

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 154/BC-UBND ngày 08/4/2026 của UBND phường Đức Xuân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện so (%)	
			Quý I	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	139.580	30.160	30.160	21,6	
I	Thu nội địa	139.580	30.160	30.160	21,6	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	186.318	129.581	20.645	11,1	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	64.501	20.645	20.645	32,0	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	14.471	4.004	4.004	27,7	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	50.030	16.641	16.641	33,3	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	121.817	84.749			
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	61.301	21.000			
2	Thu bổ sung có mục tiêu	60.516	63.749			
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		24.187			
C	TỔNG CHI NSDP	186.318	31.923	31.923	17,1	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	186.318	31.923	31.923	17,1	
1	Chi đầu tư phát triển	13.475				
2	Chi thường xuyên	169.713	31.923	31.923	18,8	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	3.130				
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 154/BC-UBND ngày 08/4/2026 của UBND phường Đức Xuân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện so (%)	
			Quý I	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	139.580	35.160	35.160	25,2	
I	Thu nội địa	139.580	30.160	30.160	21,6	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		567	567		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN		74	74		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	25.500	14.495	14.495	56,8	
4	Thuế thu nhập cá nhân	7.410	4.137	4.137	55,8	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	15.872	5.876	5.876	37,0	
	<i>Lệ phí trước bạ</i>	<i>14.092</i>	<i>3.968</i>	<i>3.968</i>	<i>28,2</i>	
	<i>Phí, lệ phí</i>	<i>1.780</i>	<i>1.908</i>	<i>1.908</i>	<i>107,2</i>	
7	Các khoản thu về nhà, đất	88.858	3.882	3.882	4,4	
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>					
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>379</i>	<i>36</i>	<i>36</i>	<i>9,5</i>	
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	<i>2.979</i>	<i>69</i>	<i>69</i>	<i>2,3</i>	
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>85.500</i>	<i>3.778</i>	<i>3.778</i>	<i>4,4</i>	
8	Thu khác ngân sách	1.940	1.130	1.130	58,2	
II	Thu viện trợ		5.000	5.000		
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	64.501	20.645	-	32,0	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	50.030	16.641		33,3	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	14.471	4.004		27,7	

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 154/BC-UBND ngày 08/4/2026 của UBND phường Đức Xuân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện so (%)	
			Quý I	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	186.318	31.923	31.923	17,1	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	186.318	31.923	31.923	17,1	
I	Chi đầu tư phát triển	13.475	-	-	0,0	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	13.475		-	0,0	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	169.713	31.923	31.923	18,8	
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	69.545	15.430	15.430	22,2	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	680		-	0,0	
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					

VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	3.130			0,0	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số 154/BC-UBND ngày 08/4/2026 của UBND phường Đức Xuân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương			Quỹ dự trữ tài chính		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NSTW bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại	Số dư đầu năm	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5	7	8	9=7-8
	Tổng số	3.130	87	3.043						
1	Chi đầu tư phát triển									
2	Chi thường xuyên	3.130	87	3.043						